

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ 1 – LỊCH SỬ 12
CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH
BÀI 1: LIÊN HỢP QUỐC

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN NHẬN

BIẾT:

Câu 1. Đầu năm 1945, đâu là vấn đề cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh chống phát xít?

- A. Phân chia lại thuộc địa của các nước. B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
 C. Thiết lập trật tự thế giới mới hai cực. D. Phục hồi và phát triển kinh tế thế giới.

Câu 2. Đâu là một trong những vai trò mục tiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Cân bằng quyền lực các nước. B. Xoá bỏ chế độ thực dân kiểu cũ.
 C. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới. D. Thực hiện quyền tự do hàng hải.

Câu 3. Ngày 1/1/1942, đại diện của 26 nước đã ký văn kiện nào sau đây?

- A. Tuyên bố về Liên hợp quốc. B. Thành lập khối Liên minh.
 C. Xóa bỏ hệ thống thuộc địa. D. Chấm dứt chiến tranh lạnh

Câu 4. Năm 1945, bản Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại

- A. hội nghị Tam cường I-an-ta. B. hội nghị Xan Phran-xi-xcô.
 C. hội nghị Bàn Môn Điếm. D. hội nghị Véc xai - Oasington.

Câu 5. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được quy định bởi văn kiện quan trọng nào?

- A. Hiến chương. B. Hiến pháp. C. Tuyên ngôn. D. Hiệp định.

Câu 6. Cơ quan nào của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm chính trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới?

- A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Tòa án quốc tế.

Câu 7. Một trong những cơ quan hành chính của Liên hợp quốc là

- A. toà án quốc tế. B. tổng thư ký. C. ban thư ký. D. quỹ nhi đồng.

Câu 8. Một trong những cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc là

- A. toà án quốc tế. B. Tổng thư ký. C. ban thư ký. D. đại hội đồng.

Câu 9. Cơ quan nào của Liên hợp quốc là tập hợp đại diện của tất cả các nước thành viên?

- A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Toà án quốc tế.

Câu 10. Một trong những quốc gia Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là

- A. Nhật. B. Đức. C. Anh. D. Bi.

Câu 11. Quốc gia nào sau đây từng có công dân là Tổng thư ký Liên hợp quốc?

- A. Hàn Quốc. B. Trung Quốc. C. Việt Nam. D. Nhật Bản.

Câu 12. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào năm nào và thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức này?

- A. năm 1977, thành viên thứ 149 B. năm 1977, thành viên thứ 159
 C. năm 1987, thành viên thứ 149 D. năm 1987, thành viên thứ 159

THÔNG HIỂU:

Câu 13. Đâu là một trong những nội dung của mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030 của Liên hợp quốc?

- A. Chống nạn thất nghiệp. B. Quyền tự do chính trị.
 C. Chống bạo lực gia đình. D. Giáo dục có chất lượng.

Câu 14. Hiện nay, một trong những cuộc xung đột trên thế giới mà Liên hợp quốc vẫn chưa giải quyết được là ở

- A. En Xan-va-do. B. Goa-tê-ma-la C. Trung Đông. D. Mô-dăm-bích.

Câu 15. Nhận định nào về vị trí, vai trò của Liên Hợp quốc trên trường quốc tế là *không* đúng?

- A. Là diễn đàn quốc tế lớn nhất, vừa hợp tác vừa đấu tranh.
- B. Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc.
- C. Là tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh.
- D. Giúp đỡ các quốc gia dân tộc về y tế, văn hóa, giáo dục.

Câu 16. Bản Hiến chương được đánh giá là văn kiện quan trọng hàng đầu của tổ chức Liên hợp quốc vì lí do nào sau đây?

- A. Là cơ sở pháp lí để các nước tham gia Liên hợp quốc.
- B. Nêu rõ các mục đích hoạt động của Liên hợp quốc.
- C. Quy định các tổ chức, cơ chế hoạt động của Liên hợp quốc.
- D. Đề ra các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 17. Đâu là nguyên nhân chủ yếu làm cho số lượng thành viên của Liên hợp quốc tăng nhanh trong giai đoạn 1945-2007

- A. Gia nhập Liên hợp quốc để nhận được viện trợ kinh tế.
- B. Tác động của trật tự thế giới 2 cực và Chiến tranh lạnh.
- C. Giai đoạn này có nhiều quốc gia đã giành được độc lập.
- D. Nhiều vấn đề quá sức giải quyết đơn độc của các nước.

Câu 18. Đâu là ý nghĩa của việc Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong các năm 2008 và 2009

- A. Nền kinh tế Việt Nam có sự phát triển vượt bậc.
- B. Tình hình an ninh - chính trị tương đối ổn định.
- C. Việt Nam đã xoá bỏ được tình trạng tham nhũng.
- D. Vị thế, uy tín được nâng cao trên trường quốc tế.

VẤN DỤNG:

Câu 19. Một trong những điểm giống về mục đích thành lập của Liên hợp quốc và Hội quốc liên là đều muốn

- A. duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- B. ngăn chặn âm mưu bá chủ của Mỹ.
- C. thực hiện các quyền tự do dân chủ.
- D. trao đổi công nghệ và kinh nghiệm.

Câu 20. Việt Nam có thể vận dụng nguyên tắc hoạt động nào của Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề ở Biển Đông?

- A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.
- B. Sự nhất trí của các nước thường trực Hội đồng bảo an.
- C. quyền bình đẳng giữa các thành viên Liên hợp quốc.
- D. không đe dọa dùng vũ lực tấn công các quốc gia khác.

Câu 21. Nội dung nào là cơ sở để tổ chức Liên hợp quốc đề ra nguyên tắc “Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình”?

- A. Hoà bình là nguyện vọng, xu thế của các dân tộc trên thế giới.
- B. Hòa bình là điều kiện quyết định để duy trì chế độ chính trị.
- C. Mục đích của Liên hợp quốc là cân bằng lợi ích của các nước.
- D. Tranh chấp, xung đột xảy ra ở hầu hết các khu vực trên thế giới.

Câu 10. Trải qua hơn 70 năm hoạt động (từ năm 1945), Liên hợp quốc đã có nhiều vai trò, đóng góp trên các lĩnh vực, nhưng *không* có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá ở nhiều nơi trên thế giới.
- B. Ra các văn bản, xây dựng môi trường thuận lợi thúc đẩy hợp tác quốc tế.

C. Ngăn chặn được các cuộc đối đầu Đông – Tây và xung đột trên thế giới.

D. Làm trung gian hoà giải chấm dứt xung đột và chiến tranh ở các khu vực.

Câu 23. Mối quan hệ hợp tác của Liên hợp quốc với Việt Nam hiện nay là

A. hợp tác theo hướng ngày càng sâu rộng và hiệu quả.

B. giúp đỡ giải quyết hậu quả nặng nề của chiến tranh.

C. viện trợ không hoàn lại để phát triển kinh tế, văn hóa.

D. thúc đẩy cải cách thực hiện các quyền tự do dân chủ.

Câu 24. Một trong những điểm giống về mục tiêu của Liên hợp quốc so với các tổ chức quốc tế và khu vực khác là

A. tập hợp thành viên vào liên minh quân sự.

B. đem lại lợi ích cho các nước thành viên.

C. thực hiện quyền tự do dân chủ, dân quyền.

D. trao đổi về vốn, khoa học và kinh nghiệm.

BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH NHẬN

BIẾT:

Câu 1 Hội nghị I-an-ta (2/1945) được tiến hành trong giai đoạn nào của Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Vừa mới kết thúc.

B. Bùng nổ và lan rộng.

C. Giai đoạn sắp kết thúc.

D. Đang diễn ra ác liệt.

Câu 2. Quan hệ Mỹ - Liên Xô trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển từ

A. đối đầu sang đối thoại.

B. đối đầu sang thoả hiệp.

C. đồng minh sang đối đầu.

D. đồng minh sang đối tác.

Câu 3. Hội nghị I-an-ta (2-1945) đã thông qua quyết định nào?

A. Phân chia nước Đức thành bốn khu vực chiếm đóng của Đồng minh.

B. Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

C. Thành lập tổ chức Hội quốc liên để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á giữa các nước Đồng minh.

Câu 4. Mục tiêu chung được các cường quốc thỏa thuận trong hội nghị I-an-ta (2/1945) là

A. chấm dứt tình trạng nội chiến ở Trung Quốc, Áo và Phần Lan.

B. thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

C. xây dựng nước Đức trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ.

D. tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

Câu 5. Để tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản và nhanh chóng kết thúc chiến tranh, hội nghị I-an-ta đã quyết định

A. Anh, Pháp, Mỹ sẽ tham gia chiến tranh chống Nhật ở châu Âu.

B. Anh và Liên Xô tiêu diệt lực lượng quân Nhật tại Trung Quốc.

C. Liên Xô sẽ đánh Nhật ở Châu Á sau khi đánh bại phát xít Đức.

D. Liên Xô không đưa quân đội tham gia chống Nhật tại Châu Á.

Câu 6. Một trong những khu vực được hội nghị I-an-ta (1945) quy định thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô là

A. Tây Âu.

B. Đông Âu.

C. Nhật Bản.

D. Triều Tiên.

Câu 7. Một trong những khu vực được hội nghị 1-an-ta (1945) quy định thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ là

- A. Tây Âu. B. Đông Âu. C. Mông Cổ. D. Trung Đông.

Câu 8. Đâu là ranh giới phân chia phạm vi chiếm đóng Triều Tiên của Mỹ và Liên Xô được Hội nghị I-an-ta (2/1945) quy định?

- A. Vĩ tuyến 38. B. Sông Áp Lục. C. Vĩ tuyến 17. D. Căng lcheon.

Câu 9. Trật tự thế giới mới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

- A. đơn cực. B. I-an-ta C. Vec-xai. D. đa cực.

Câu 10. Những quốc gia nào sau đây tham dự hội nghị I-an-ta (2/1945)?

- A. Liên Xô, Mỹ, Pháp. B. Liên Xô, Mỹ, Anh.
C. Trung Quốc, Mỹ, Anh. D. Liên Xô, Anh, Pháp.

Câu 11. Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, hợp tác từ:

- A. nửa sau những năm 80. B. nửa sau những năm 90.
C. nửa đầu những năm 90. D. nửa đầu những năm 80.

Câu 12. Năm 1989, tại đảo Man-ta, Mỹ và Liên Xô đã có hành động nào sau đây?

- A. Tuyên bố chung về vũ khí chiến lược. B. Kỳ nhiều hiệp định thương mại tự do.
C. Tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. D. Cam kết hòa bình giữa Mỹ và Liên Xô.

THÔNG HIỂU:

Câu 13. Đâu là một trong những nguyên nhân Mỹ và Liên Xô quyết định chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh (1947-1989)?

- A. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản, Tây Âu.
B. Các nước Cộng hoà trong liên bang đòi ly khai.
C. Nước Mỹ khủng hoảng kinh tế, chính trị sâu sắc.
D. Nhân dân hai nước đều phản đối Chiến tranh lạnh.
D. Quân đội Trung Hoa Dân quốc giải giáp phát xít Nhật.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây đánh dấu trật tự hai cực I-an-ta chấm dứt?

- A. Liên Xô chính thức tan rã (12/1991). B. Chiến tranh lạnh kết thúc (1989).
C. Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989). D. Khủng hoảng năng lượng (1973).

Câu 15. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở nước thắng trận thống trị nước bại trận.
B. Xác lập trật tự thế giới mới của các nước tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu, chi phối.
C. Hình thành trật tự thế giới hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ đứng đầu mỗi bên.
D. Trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận đoàn kết, đồng thuận.

Câu 16. Nội dung tranh cãi gay gắt quyết liệt nhất trong hội nghị I-an-ta (2/1945) là

- A. quốc gia nào sẽ tham chống Nhật ở châu Á.
B. phân chia phạm vi ảnh hưởng sau chiến tranh.
C. ranh giới phân chia để chiếm đóng Triều Tiên.
D. số phận của các nước phát xít sau chiến tranh.

Câu 17. Một trong những mục đích của Mỹ khi triển khai thực hiện kế hoạch Mác-san (6/1947) đối với các nước Tây Âu là

- A. phát xít hóa cho nước Đức. B. tiêu diệt Đảng Cộng sản Ý.
C. hỗ trợ khôi phục kinh tế. D. chiếm thuộc địa của Tây Âu.

Câu 18. Một trong những mục đích của Mỹ khi thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949 là

- A. chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.
- B. muốn bán vũ khí cho các nước đồng minh.
- C. chuẩn bị phát động chiến tranh chống Đức.
- D. tấn công tiêu diệt các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 19. Trật tự hai cực I – an-ta được định hình và thiết lập với

- A. thắng lợi của cách mạng Cuba (1959).
- B. Liên Xô đã thành lập khối SEV (1949).
- C. thông điệp của Tổng thống Mỹ (1947).
- D. sự ra đời của NATO (1949) và Vác-sa-va (1955).

Câu 20. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự đổ của trật tự hai cực I-an-ta là

- A. Sự vươn lên mạnh mẽ của Tây Âu và Nhật Bản.
- B. Do những mâu thuẫn trong trật tự hai cực I-an-ta
- C. Mâu thuẫn giữa các nước về vấn đề thuộc địa
- D. Sự cạnh tranh công nghiệp vũ trụ giữa Liên Xô và Mĩ

Câu 21: Dựa vào hàng dữ liệu sau, hãy lựa chọn phương án phù hợp về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Mỹ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Tên nước	Nội dung thỏa thuận
1. Liên Xô 2. Mỹ	a) đóng quân ở Nhật Bản và miền phía Nam vĩ tuyến 38 của Triều Tiên. b) nắm giữ phạm vi ảnh hưởng ở Tây Âu c) đóng quân ở Đông Đức, Đông Béc-lin: phía Bắc vĩ tuyến 38 của Triều Tiên. d) nắm giữ phạm vi ảnh hưởng ở Đông Âu. e) đóng quân ở Tây Đức, Tây Béc-lin, Tây Âu.

- A. 2-a, c, d; 1-b,e. B. 1-a, b, e; 2-c, d. C. 1-c, d; 2-a, b, e. D. 1-a, b, c, d; 2-e

Câu 22: Dựa vào bảng dữ liệu em hãy nối cột A với cột B để xác định đúng phạm vi ảnh hưởng của các nước theo quy định, thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta (2/1945).

	A		B
1	Mỹ	A	Indônexia
2	Liên Xô	B	Tây Âu
3	Pháp	C	Miền Điện
4	Anh	D	Đông Dương
5	Hà Lan	E	Đông Âu

- A. 1B - 2E - 3D - 4C - 5A B. 1E - 2B - 3D - 4C - 5A
 C. 1B - 2E - 3A - 4C - 5D D. 1B - 2A - 3D - 4C - SE

Câu 23. Một trong những mục đích của Tổng thống Ních-xon khi tiến hành chuyến thăm chính thức đến Trung Quốc, Liên Xô năm 1972 là

- A. hạn chế sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô cho Việt Nam.
- B. nhằm bình thường hóa quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. tiến hành hợp tác trên diện rộng với Liên Xô và Trung Quốc,
- D. ký các hiệp ước đối tác chiến lược về kinh tế và quốc phòng.

Câu 24. Cuộc chiến tranh cục bộ nào sau đây thể hiện rõ nét nhất mâu thuẫn hai cực, hai phe trong Chiến tranh lạnh (1945-1991)

- A. Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). B. Chiến tranh sáu ngày (1967).
C. Chiến tranh Việt Nam (1945-1975). D. Chiến tranh Trung - Ấn (1962)

Câu 25. Quyết định nào của hội nghị I-an-ta (2-1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
B. Anh, Mỹ mở đường cho Pháp chiếm lại Đông Dương.
C. Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của phương Tây.

Câu 26. Nhận xét nào là đúng về việc thỏa thuận đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc trong Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

- A. Thực hiện việc tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa thực dân.
B. Thực chất là phân chia quyền lợi giữa Mỹ và Liên Xô.
C. Nhanh chóng triệt tiêu sức mạnh của các nước tư bản.
D. Tạo điều kiện để tái vũ trang cho Đức chống Liên Xô.

BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

NHẬN BIẾT:

Câu 1. Xu thế chủ đạo trong quan hệ giữa các cường quốc sau Chiến tranh lạnh là

- A. đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
B. tôn trọng vai trò, nhiệm vụ của Liên hợp quốc.
C. hợp tác, không cạnh tranh, không mâu thuẫn. D. hòa bình, không xung đột, tiến hành hợp tác

Câu 2. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò quyết định để các cường quốc tham gia xác lập trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia, trong đó kinh tế vẫn là trụ cột.
B. Là 1 trong 5 cường quốc của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
C. Sự ra đời và ngày càng mở rộng của các tổ chức liên kết khu vực.
D. Sức mạnh quân sự của quốc gia với lực lượng quân sự hùng hậu.

Câu 3. “Lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm” được xem là nội dung chiến lược chủ yếu của các nước trong thời kỳ

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. B. sau khi cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc.
C. chủ nghĩa xã hội thành hệ thống thế giới. D. ngay sau khi Chiến tranh lạnh bắt đầu.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm quyền lực vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.
B. Các nước tăng cường chạy đua về kinh tế và quân sự, hình thành các liên minh xuyên lục địa.
C. Sự lớn mạnh của Trung Quốc trước cải cách, mở cửa, đe dọa đến vị trí số 1 của Mỹ.
D. Các nước trong khối NATO liên kết với nhau tạo ra sức mạnh quân sự vượt trội.

Câu 5. Một trật tự thế giới mà ở đó các nước lớn, các trung tâm kinh tế – tài chính lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung

Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga,... có vị thế đối với quan hệ quốc tế được gọi là trật tự

- A. đa cực, nhiều trung tâm. B. đơn cực, nhất siêu.
C. đa phương hoá D. tam cường, đa phương.

Câu 6. Một trong những biểu tượng cho sự kết thúc Chiến tranh lạnh là

- A. Liên Xô chính thức sụp đổ (1991). B. bức tường Béc-lin sụp đổ (11/1989).
C. chiến tranh Việt Nam kết thúc (1975). D. vấn đề Nam Xu-đăng được giải quyết.

Câu 7. “Chiếm 2/3 dân số, 90% GDP, 80% thương mại toàn cầu”. Những số liệu này đang nói đến các quốc gia.

- A. G20. B. NICS. C. EU. D. ASEAN.

THÔNG HIỂU:

Câu 8. Nội dung nào sau đây là nhân tố chủ yếu để tạo nên sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia hiện nay?

- A. Đa dân tộc, ngôn ngữ. B. Dân số trẻ và đông đảo.
C. Nền tài chính vững chắc D. Nền văn hóa truyền thống.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh?

- A. Mỹ vẫn là cường quốc số 1 thế giới, nhưng đã suy giảm so với trước.
B. Bên cạnh Mỹ, nhiều trung tâm quyền lực cũng xuất hiện và phát triển.
C. Các công ty xuyên quốc gia của Mỹ vươn ra chi phối nền kinh tế toàn cầu.
D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò lớn.

Câu 11. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất hiện nay là

- A. Diễn đàn hợp tác Á - Âu. B. Hiệp ước thương mại tự do.
C. Liên minh Châu Âu (EU) D. Các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Câu 12: Từ sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm vì

- A. hòa bình và an ninh thế giới được bảo vệ ở mức cao nhất.
B. kinh tế trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.
C. giữa các cường quốc đã chấm dứt việc chạy đua vũ trang.
D. sức mạnh quốc gia không dựa trên lực lượng quốc phòng

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phải xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Quốc tế hoá - toàn cầu hoá. B. Đối thoại, hợp tác cùng phát triển.
C. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. D. Đa quốc gia, đa bản sắc văn hoá.

VẬN DỤNG

Câu 14. Vì sao đến nay Mỹ vẫn không thể thực hiện ý đồ thiết lập trật tự thế giới "đơn cực

- A. Do sự vươn lên của các cường quốc như Đức, Nhật Bản, Nga...
B. Nước Mỹ đã suy yếu một cách nghiêm trọng từ đầu thế kỷ XX.
C. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa khủng bố đã ngăn cản mưu đồ của Mỹ.
D. Do có sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 15. Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, thời cơ Việt Nam có thể tận dụng để xây dựng và phát triển đất nước là gì?

- A. Không bị áp dụng luật chống bán phá giá. B. Sự ổn định tình hình chính trị trong nước.
C. Mua được các bằng phát minh với giá rẻ. D. Thu hút vốn, tiếp thu thành tựu khoa học.

Câu 16. Từ thắng lợi của các hoạt động đối ngoại thời Chiến tranh lạnh, bài học quan trọng nhất mà Việt Nam rút ra cho chính sách đối ngoại hiện nay là

- A. thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ.
B. mở cửa thu hút đầu tư, khoa học - kỹ thuật, vốn.
C. không liên minh liên kết với các nước châu Âu. D. tham gia nhiều tổ chức quốc tế, khu vực.

CHỦ ĐỀ 2: ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN) NHẬN BIẾT:

Câu 1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào sau đây

- A. Thế giới và khu vực đang có những chuyển biến quan trọng.
- B. Tất cả các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập.
- C. Chiến tranh lạnh kết thúc, các dân tộc đang hòa hợp, hòa giải.
- D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây trở thành chủ đạo trên thế giới.

Câu 2. Một trong những xu thế xuất hiện từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

- A. Chống khủng bố. B. Liên kết khu vực. C. Thực dân hóa. D. Toàn cầu hóa.

Câu 3. Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào?

- A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN. B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.
- C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên. D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

Câu 4. Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

- A. đưa Đông Nam Á trở thành số 1 thế giới.
- B. xây dựng khối tư bản chủ nghĩa phát triển.
- C. thúc đẩy hòa bình - ổn định của khu vực.
- D. thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thống nhất.

Câu 5. Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Tuyên bố ASEAN. B. Hiệp định Giơ-ne-vơ. C. Hiệp định Paris. D. Tuyên bố Lahay.

Câu 6. Quốc gia nào là thành viên thứ 10 của ASEAN?

- A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia.

Câu 7. Trong quá trình phát triển của ASEAN, giai đoạn từ 1967 - 1976 có đặc điểm là gì?

- A. Phát triển rất thần kỳ. B. Xây dựng nền móng.
- C. Tránh đối đầu quân sự. D. Nền kinh tế xuất khẩu.

Câu 8. Từ khi thành lập đến năm 1976, ASEAN là tổ chức

- A. hùng mạnh. B. phát triển. C. chặt chẽ. D. non yếu, hợp tác lỏng lẻo

Câu 9. Sự kiện nào sau đây đánh dấu quá trình chuyển ASEAN từ tổ chức non yếu trở nên hoàn thiện, vị thế được nâng cao trên thế giới?

- A. Hiệp ước Bali được ký kết. B. Thông qua tuyên bố ASEAN
- C. Thông cáo Thượng Hải. D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 10. ASEAN được thành lập phản ánh xu thế nào sau đây?

- A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm. C. Toàn cầu hoá, quốc tế hoá.
- B. Liên minh hợp tác khu vực. D. Trật tự đa cực nhiều trung tâm.

Câu 11. Năm 1997, tổ chức ASEAN kết nạp thành viên nào?

- A. Lào và Mi-an-ma. B. Cam-pu-chia. C. Bru-nây. D. Đông-ti-mo.

Câu 12. Một trong những quốc gia tham gia sáng lập tổ chức ASEAN (1967) là

A. Cam-pu chia . B. Việt Nam. C. Thái Lan. D. Bru-nây.

Câu 13. Năm 2007, ASEAN thông qua bản:

- A. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở ĐNA. B. Hiến chương ASEAN.
C. Hiệp ước Ba-li D. Tầm nhìn ASEAN 2025.

Câu 14. Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

- A. phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.
B. tăng cường quan hệ hợp tác mọi mặt nhằm phát triển kinh tế - xã hội.
C. đề củng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ Đông Dương giành lại độc lập.
D. để giải quyết vấn đề xung đột Campuchia và tranh chấp ở Biển Đông.

THÔNG HIỂU:

Câu 15. Tổ chức hợp tác nào mang tính khu vực trên thế giới đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết lại với nhau?

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu. B. Diễn đàn kinh tế Thái Bình Dương.
C. Cộng đồng các quốc gia độc lập, D. Cộng đồng kinh tế Châu Âu.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

- A. hợp tác để cùng nhau phát triển. B. thành lập một liên minh quân sự.
C. tiến tới thành lập nước Liên bang. D. tổ chức lại trật tự khu vực châu Á.

Câu 17. Một trong những nội dung hợp tác chủ yếu của các nước ASEAN là

- A. quân sự. B. đối ngoại. C. kinh tế. D. thể thao,

Câu 18. Việt Nam trở thành quan sát viên của ASEAN vào năm 1992, sau khi

- A. vấn đề Campuchia được giải quyết. B. Tranh chấp biên giới được giải quyết.
C. Xung đột ở Biển Đông được giải quyết. D. Khủng hoảng năng lượng được giải quyết.

Câu 19. Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (1995), đã tác động như thế nào đến sự phát triển của tổ chức này?

- A. Đập tan âm mưu nô dịch các nước ASEAN.
B. Cùng cổ nền độc lập mới ở Đông Nam Á.
C. Đẩy nhanh quá trình phát triển của ASEAN.
D. Thúc đẩy nhanh quá trình phát triển dân hóa.

Câu 20. Một trong những thuận lợi cơ bản mà các nước ASEAN có được sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

- A. đã cơ bản giành được độc lập. B. nhận viện trợ kinh tế của Mỹ.
C. khôi phục quan hệ với Nhật. D. thiết lập quan hệ với Liên Xô.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là hạn chế trong quá trình phát triển của ASEAN từ khi thành lập (1967) đến nay?

- A. Tranh chấp lãnh thổ diễn ra thường xuyên ở Đông Nam Á.
B. Sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các nước thành viên.
C. Mâu thuẫn gay gắt về vấn đề xây dựng các đập thủy điện.
D. Sự chỉ phối và tác động của một số cường quốc bên ngoài.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là khó khăn trong quá trình mở rộng thành viên của ASEAN từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989)?

- A. Sự khác biệt về thể chế chính trị. B. Tác động từ các nước châu Âu.
C. Mâu thuẫn gay gắt về tôn giáo. D. Tác động từ chủ nghĩa khủng bố.

Câu 23. Đây là nhận xét đúng về vai trò của tổ chức ASEAN trên trường quốc tế?

- A. Liên minh chính trị - kinh tế chiến lược của khu vực Đông Nam Á.

B. Diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương ở châu Á - Thái Bình Dương.

C. Liên minh hợp tác toàn diện, hiệu quả của khu vực Đông Nam Á.

D. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất của châu Á. **Câu 24. Cơ hội lớn nhất khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1995) là**

A. khai thác vốn đầu tư, khoa học - công nghệ.

B. giao lưu, học hỏi về văn hóa, giáo dục, y tế.

C. tiếp thu những kinh nghiệm quản lý sản xuất.

D. được mở rộng thị trường trao đổi hàng hóa.

Câu 25. Nội dung nào phản ánh không đúng vai trò của tổ chức ASEAN đối với việc bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực và Biển Đông?

A. Đoàn kết nhất trí và thể hiện vai trò, tinh thần trách nhiệm cao.

B. Khẳng định các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và ASEAN.

C. Lên án, phản đối hành động xâm phạm chủ quyền các quốc gia.

D. Dùng biện pháp quân sự để bảo vệ hòa bình, ổn định ở khu vực.

Câu 26. Nội dung nào không phản ánh đúng những cơ hội khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?

A. Thu hút vốn đầu tư và khoa học - công nghệ tiên tiến.

B. Tăng cường giao lưu về mọi mặt và mở rộng thị trường.

C. Đẩy mạnh được công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

D. Tranh thủ viện trợ để giải quyết khó khăn ở trong nước.

Câu 27. Từ sự phát triển kinh tế của Xin-ga-po ở những thập kỷ cuối thế kỷ XX, Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay?

A. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế.

B. Chú trọng phát triển ngành công nghệ phần mềm.

C. Áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại.

D. Coi trọng khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 28. Đầu là nhận xét đúng về vai trò của tổ chức ASEAN trên trường quốc tế?

A. Liên minh chính trị - kinh tế chiến lược của khu vực Đông Nam Á.

B. Diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương ở châu Á - Thái Bình Dương.

C. Liên minh hợp tác toàn diện, hiệu quả của khu vực Đông Nam Á.

D. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất của châu Á.

Câu 29. Thách thức lớn nhất về mặt kinh tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là

A. chịu sự cạnh tranh quyết liệt

B. tụt hậu về kinh tế, công nghệ.

C. sử dụng nguồn vốn bất hợp lý.

D. điểm xuất phát thấp về kinh

BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC NHẬN

BIẾT:

Câu 1. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN xuất hiện từ

A. ASEAN mới thành lập (1967).

B. khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

C. khủng hoảng năng lượng (1973).

D. khủng hoảng tài chính (1997).

Câu 2. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại

A. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020)

B. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (2009).

C. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)

D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 11 (2005)

Câu 3. Ngày 22-11-2015, tuyên bố Cua-la Lăm-pơ được ký kết đã đánh dấu

- A. Cộng đồng ASEAN được thành lập. B. khu vực Đông Nam Á giành độc lập.
C. sự phát triển nhảy vọt của ASEAN. D. ASEAN hoàn thành mở rộng thành viên.

Câu 4. Một trong những nội dung phản ánh nguyện vọng của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng ASEAN là

- A. một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.
B. thiết lập một liên minh quân sự Đông Nam Á.
C. đoàn kết, hợp tác gạt bỏ ảnh hưởng của Pháp.
D. liên kết, hợp tác toàn diện chặt chẽ về mọi mặt.

Câu 5. Một trong những nội dung hợp tác của Cộng đồng ASEAN là:

- A. quân sự. B. đối ngoại. C. kinh tế. D. dân chủ.

Câu 6. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

- A. biến ASEAN thành tổ chức hợp tác mạnh nhất.
B. các nước đoàn kết giúp đỡ nhau khi bị xâm lược.
C. củng cố khối đoàn kết của ASEAN trên văn đề quân sự.
D. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn.

Câu 7. Đây là cơ sở pháp lý để các nước Đông Nam Á xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN. B. Tuyên bố Băng - cốc.
C. Hiến chương Liên hợp quốc. D. hiệp ước Ba-li 1976.

Câu 8. Một trong những văn kiện đã nêu rõ kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN là

- A. kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng ASEAN.
B. tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
C. lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015).
D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

THÔNG HIỂU:

Câu 9. Đây không phải là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Chính trị - An ninh. B. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
C. Cộng đồng An ninh - Quốc phòng. D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 10. Một trong những thách thức mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị. B. gặp những khó khăn về địa lý.
C. một số quốc gia không có biển. D. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Câu 11. Một trong những thách thức về kinh tế mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị. B. sự xung đột lãnh thổ, biên giới.
C. chênh lệch trình độ phát triển. D. những vấn đề lịch sử sâu xa.

Câu 12. Vấn đề Biển Đông có tác động như thế nào đến sự hợp tác và phát triển của Cộng đồng ASEAN?

- A. Thách thức lớn đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN.
B. Cần tập hợp sự đoàn kết của các nước ASEAN để giải quyết.
C. Giúp các nước Đông Nam Á trở thành một khối thống nhất.
D. Xóa bỏ những mâu thuẫn để cùng nhau hợp tác và phát triển.

Câu 13. Nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của Cộng đồng chính trị - an ninh (APSC)

- A. tôn trọng quyền con người. B. tuân thủ luật pháp quốc tế.
C. thực hiện tự do, dân chủ. D. đảm bảo hòa bình, an ninh. **Câu 14. Hiện nay, mối đe dọa tiềm tàng đến an ninh của các quốc gia Đông Nam Á là A. sự khác biệt về thể chế chính trị. B. chênh lệch về trình độ phát triển. C. vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. D. xung đột biên giới trên đất liền.**

CHỦ ĐỀ 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
(từ tháng 8 năm 1945 đến nay) **BÀI**

6: Cách mạng tháng Tám năm 1945 NHẬN BIẾT:

Câu 1. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thông qua quyết định nào dưới đây?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội. B. Đã phát động cao trào kháng Nhật.
C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa cả nước. D. Thống nhất lực lượng vũ Việt Nam.

Câu 2. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (14- 15/8/1945) đã thông qua kế hoạch nào sau đây?

- A. Thống nhất các lực lượng vũ trang. B. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
C. Lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa. D. Giải phóng dân tộc trong năm 1945.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám nổ ra?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ. B. phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.
C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản. D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 4. Thời cơ khách quan thuận lợi của Cách mạng tháng Tám là sự kiện nào sau đây?

- A. Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương (9/3/1945).
B. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật (6, 9/8/1945).
C. Đức đã đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (9/5/1945).
D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (15/8/1945).

Câu 5. Một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Nam. C. Hưng Yên. D. Cao Bằng.

Câu 6. Một trong những địa phương giành chính quyền sau cùng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Cần Thơ. B. Hà Tiên. C. Móng Cái. D. Lai Châu.

Câu 7. Trước khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, lực lượng thân Nhật nào sau đây tồn tại ở Việt Nam?

- A. Bọn Việt Quốc và Việt Cách. C. Chính phủ Trần Trọng Kim.
B. Chính phủ kháng chiến Fulro. D. Nhà nước Tin Lành Đê-ga.

Câu 8. Tổ chức cách mạng nào sau đây đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Việt Nam Quốc dân

Câu 9. Trong cuộc Cách mạng tháng Tám (1945) nhân dân Việt Nam đã giành lại chính quyền từ trong tay kẻ thù nào?

- A. Nhật. B. Anh C. Pháp D. Mỹ.

THÔNG HIỂU:

Câu 10 Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

- A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945).
- B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8/1945).
- C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8/1945)
- D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1/1946).

Câu 11. Hình thức đấu tranh nào sau đây không được tiến hành trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?

- A. Vũ trang.
- B. Chính trị.
- C. Binh vận.
- D. Nghị trường.

Câu 12. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã góp phần xóa bỏ chủ nghĩa phát xít trên thế giới?

- A. Cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký.
- C. Hiệp định Paris được ký kết.
- D. Chính quyền Xô viết thành lập.

Câu 13. Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. những thắng lợi của khối Đồng minh.
- B. sự chuẩn bị của Đảng trong 15 năm.
- C. tinh thần đoàn kết của nhân dân.
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 14. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (từ ngày 16-17/8/1945) đã thể hiện

- A. ý chỉ thống nhất đoàn kết và nguyện vọng của toàn dân.
- B. cuộc Tổng khởi nghĩa đã diễn ra và thắng lợi nhanh chóng.
- C. chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng.
- D. quyết tâm phối hợp với phe Đồng minh để chống phát xít.

Câu 15. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám được xác định trong khoảng thời gian từ khi

- A. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- B. Mỹ tuyên chiến với Nhật đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- C. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- D. Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 16. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn?

- A. Giành được chính quyền ở Hà Nội.
- B. Vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị.
- C. Khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.
- D. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

Câu 17. Nguyên nhân nào sau đây là nhân tố quyết định dẫn tới thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?

- A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- B. Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản.
- C. Nhật đầu hàng quân Đồng minh.
- D. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô.

Câu 18. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám đã có tác động như thế nào đến phong trào cách mạng thế giới?

- A. Làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- C. Góp phần cho sự ra đời của hơn 100 nước.
- B. Cổ vũ phong trào cách mạng trên thế giới.
- D. Xây dựng vững chắc thành trì cách mạng.

Câu 19. Vì sao việc giành được chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có tác động quan trọng đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Đây là nơi đặt cơ quan đầu não của địch.
- C. Lực lượng địch ở đây bố trí mỏng và yếu.
- B. Những tỉnh này giàu có, nhiều tài nguyên.
- D. Đã tiêu diệt hết lực lượng của quân Nhật.

Câu 20. Hành động thể hiện sự nhạy bén, kịp thời của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những chuyển biến của tình hình thế giới vào đầu tháng 8/1945 là

- A. thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.
- C. đã gấp rút thành lập 19 ban xung phong Nam tiến.
- B. triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng Tân Trào.

D. lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra quân lệnh số 1.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI:

BÀI 2: Trật tự thế giới trong CT lạnh

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên Xô và Mỹ, một là nhà nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất, một là nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất. Chịu sự chi phối của tín ngưỡng ý thức hệ, hai nước dựa vào tiến triển của Chiến tranh thế giới thứ hai và cục diện sau chiến tranh để ra sức mở rộng phạm vi ảnh hưởng tín ngưỡng ý thức hệ của bản thân, ở những khu vực mà khả năng cho phép đều xây dựng và duy trì chế độ giống như của mình”.

(*Trương Tiểu Minh, Chiến tranh lạnh và di sản của nó, Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, tr.36*)

- Liên Xô và Mỹ là hai cường quốc đứng đầu hai hệ thống xã hội đối lập trên thế giới.
- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô và Mỹ đều mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình trên thế giới,
- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, mâu thuẫn giữa hai nước thực chất là mâu thuẫn về ý thức hệ.
- Cuộc tranh giành thuộc địa của Mỹ và Liên Xô sau chiến tranh không có hồi kết.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 26/5/1972, Liên Xô và Mỹ ký Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), quy định mỗi bên Liên Xô và Mỹ được xây dựng hai hệ thống ABM, 1 ở chung quanh thủ đô, 1 ở chung quanh căn cứ tên lửa chiến lược và mỗi hệ thống có 100 tên lửa chống tên lửa... Cùng ngày, Liên Xô và Mỹ còn ký Hiệp định tạm thời về một số biện pháp trong lĩnh vực hạn chế vũ khí tiến công chiến lược và quy định mức độ duy trì vũ khí chiến lược của mỗi bên (tên lửa vượt đại châu, tàu ngầm hạt nhân...) gọi tắt là SALT-1”.

(*Vũ Dương Ninh, Một số chuyên đề Lịch sử thế giới, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.395*)

- Đến những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô và Mỹ chỉ có một thống phòng chống tên lửa đặt ở thủ đô.
- Đến những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô và Mỹ đã chấm dứt chạy đua vũ trang.
- Đến những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô và Mỹ đạt được thoả thuận về duy trì vũ khí chiến lược của mỗi bên.
- Đến những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô và Mỹ đã đạt được thế cân bằng vũ khí chiến lược về chất lượng và số lượng.

Câu 3: Cho bảng niên biểu về một số sự kiện tiêu biểu về các cuộc chiến tranh cục bộ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh?

Thời gian	Nội dung
1950-1953	Chiến tranh Triều Tiên
1945-1954	Chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp
1954-1975	Chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ
Từ năm 1948 đến nay	Xung đột Trung Đông giữa Ixaren và các nước Ả rập

- Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, không xảy ra cuộc chiến tranh giữa các nước nhưng thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.
- Chiến tranh Triều Tiên là sản phẩm của Chiến tranh lạnh, là cuộc đụng độ đầu tiên trực tiếp giữa hai phe.

c. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe.

d. Xung đột Trung Đông giữa Ixraren và các nước Ả rập là biểu hiện của Chiến tranh lạnh kiểu mới.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong Trật tự thế giới hai cực lanta, Liên Xô đã đạt được 3 mục tiêu: bảo vệ vững chắc sự tồn tại và phát triển của đất nước Xô viết; thu hồi lại những đất đai của đế quốc Nga trước đây (kể từ chiến tranh Nga - Nhật 1904 - 1905 đến chiến tranh chống ngoại xâm và nội phản 1918-1920); mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á, qua đó thiết lập một vành đai an toàn bao quanh phía tây, đông và nam Liên Xô. Còn Mỹ, đã không chế được Tây Âu, Nhật Bản, chỉ phối cục diện thế giới. Mặt khác, sự thoả thuận giữa ba cường quốc ở Hội nghị Ianta đã xâm phạm đến chủ quyền, lãnh thổ và lợi ích của nhân dân nhiều Nước”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, 2006 tr.234)

- Trong trật tự thế giới hai cực lanta, Mỹ và Liên Xô đều đạt được những mục tiêu cơ bản của mình.
- Những quyết định của hội nghị lanta không tác động đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- Mỹ đã không chế và chi phối các nước đồng minh, đứng đầu các nước tư bản chủ nghĩa.
- Liên Xô đã thiết lập được hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa để bảo vệ an toàn xung quanh toàn bộ lãnh thổ đất nước.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việc nhà lãnh đạo kỳ cựu Honecker ra đi, thúc đẩy nhanh tiến trình tan rã của bộ máy Đảng và Nhà nước CHDC đức. Liên tiếp trong các ngày 7 và 8/11/1989, toàn thể Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Chính trị Đảng Xã hội chủ nghĩa Thống nhất Đức từ chức tập thể. Cuộc “cách mạng êm dịu” và không dùng vũ lực đã làm tê liệt các cơ quan nhà nước. Ủy viên Bộ Chính trị. Bí thư Thành uỷ Berlin Schabowski tuyên bố mở tất cả cửa khẩu ở Berlin vào tối ngày 9/11/1989. Bức tường Berlin được mở toang. Biến cố này gây chấn động không chỉ ở châu Âu mà cả toàn thế giới: bức tường Berlin, biểu tượng cho sự chia cắt châu Âu, cho Chiến tranh lạnh và trật tự thế giới ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ hai nay không còn nữa”.

(Trần Nam Tiến (Chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000)*, Nxb Giáo dục, 2010, tr.262).

- Bức tường Berlin là biểu tượng cho sự chia cắt nước Đức và châu Âu.
- Nước Đức bị chia cắt theo quy định của các cường quốc tại Hội nghị Ianta.
- Quá trình thống nhất đất nước Đức được tiến hành bằng con đường vũ lực.
- Bức tường Berlin bị phá bỏ đã chấm dứt tình trạng đối đầu căng thẳng giữa Mỹ và Liên Xô.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tuy đối đầu quyết liệt như vậy, nhưng do nhiều nguyên nhân, nhất là liên quan tới nguy cơ thảm họa của một cuộc chiến tranh hạt nhân và sau này là cuộc chạy đua kinh tế, dưới tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật, có thể nói cả hai siêu cường Mỹ - Xô đều thực hiện chiến lược phòng ngự và các nước lớn như Mỹ, Anh, Pháp cũng như Liên Xô,

| Trung Quốc đều ra sức tránh nguy cơ gây ra đụng đầu trực tiếp giữa các nước lớn. Do đó, thế giới trong Trật tự thế giới hai cực lanta là vừa trong tình trạng đối đầu lại vừa hoà hoãn chung sống hoà bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác”.

(Nguyễn Cơ Thạch, *Thế giới 50 năm qua (1945 - 1995) và thế giới trong 25 năm tới (1996-2020)*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1998, tr.41).

- Mỹ và Liên Xô đều chạy đua vũ trang, ráo riết chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân.
- Nguy cơ chiến tranh hạt nhân và tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã tác động đến cuộc đối đầu Mỹ - Xô
- Trong trật tự hai cực Ianta, Mỹ và Liên Xô có chạy đua vũ trang nhưng không có xung đột quân sự trực tiếp.

d. Vừa đối đầu, vừa chung sống hoà bình là đặc điểm của Trật tự thế giới hai cực lanta.

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Bài học của thời kỳ Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Mỹ-Xô và "một bị thương, một bị mất". Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NIC. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật".

(Lý Thúc Cốc (1996), *Mỹ thay đổi chiến lược toàn cầu*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.30)

- Trong kỳ Chiến tranh lạnh, phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu.
- Liên Xô và Mỹ đều sụp đổ sau thời kỳ dài đối đầu căng thẳng, chạy đua vũ trang.
- Đức, Nhật và NIC không lựa chọn phương thức đối đầu về chính trị - quân sự trong thời kỳ Chiến tranh lạnh.
- Sức mạnh tổng hợp của quốc gia sẽ quyết định sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia.

Câu 8. Cho bảng dữ kiện về Thỏa thuận của Liên Xô, Mỹ và các nước phương Tây về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh tại Hội nghị I-an-ta (2/1945)

Nước	Nội dung thỏa thuận	
	Tại châu Âu	Tại châu Á
Liên Xô	Quân đội Liên Xô đóng quân miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu	Trả lại cho Liên Xô nam bán đảo Xa-kha-lin, Liên Xô chiếm bốn đảo thuộc quần đảo Cu-rin
	Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô	- Tại Trung Quốc: Liên Xô được thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân, được trả lại tuyến đường sắt Xi-bi-ri-a... - Kiểm soát phía Bắc vĩ tuyến 38 Triều Tiên
Mỹ và các nước phương Tây	Quân đội Mỹ, Anh chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu	- Mỹ chiếm đóng Nhật Bản - Mỹ kiểm soát Nam vĩ tuyến 38 Triều Tiên - Đông Nam Á, Tây Á, Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của phương Tây

- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2/1945) diễn ra khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.
- Những thỏa thuận tại Hội nghị I-an-ta (2/1945) được quyết định bởi các cường quốc phe Đồng minh.
- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2/1945) đã tạo cơ sở cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam.
- Những quyết định tại Hội nghị I-an-ta (2/1945) đã dẫn tới hình thành hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực các nước Đông Âu

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, trật tự thế giới hai cực I-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối kinh tế và quân sự đối đầu nhau. Về kinh tế, Mỹ đề ra kế hoạch Mác-san nhằm viện trợ cho Tây Âu, qua đó tăng cường sự chi phối đối với khu vực này; Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) nhằm hợp tác về kinh tế. Về quân sự năm 1949, Mỹ và các nước phương Tây thành lập tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây dương (NATO), năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập tổ chức hiệp ước Vác-sa-va.

- Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, phe tư bản chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa đối đầu căng thẳng về kinh tế, chính trị, tư tưởng, quân sự.

b) Mỹ đề ra kế hoạch Mác-san với mục tiêu quan trọng nhất là hợp tác cùng có lợi giữa Mỹ và các nước Tây Âu.

c) Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) là liên minh quân sự giữa Mỹ và tất cả các nước châu Âu.

d) Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là biểu hiện của căng thẳng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong chuyến thăm Liên Xô năm 1972, tổng thống Mỹ R. Ních-xon và Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô – L. B rê-giơ-nhép đã kí kết nhiều văn kiện quan trọng như Hiệp ước Chống tên lửa đạn đạo (ABM), Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT I), một thỏa thuận về không can thiệp công việc nội bộ của nhau, một thỏa thuận song phương về hợp tác các lĩnh vực khoa học, không gian, y học và bảo vệ môi trường.

a) Từ những năm 70 của thế kỉ XX xuất hiện xu thế hòa hoãn giữa Mỹ và Liên Xô.

b) Những thỏa thuận giữa Mỹ và Liên Xô từ những năm 70 của thế kỉ XX đã dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

c) Từ những năm 70 của thế kỉ XX, Mỹ và Liên Xô trở thành đồng minh.

d) Những thỏa thuận giữa Mỹ và Liên Xô từ những năm 70 của thế kỉ XX làm cho quan hệ quốc tế giảm căng thẳng.

Bài 4: ASEAN

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tuyên bố Băng Cốc xác định tôn chỉ cơ cấu tổ chức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Tuyên bố nhấn mạnh 5 nước Đông Nam Á “nhận thức được sự tồn tại của các mối quan tâm lẫn nhau và các vấn đề chung giữa các nước Đông Nam Á và tin tưởng sự cần thiết phải tăng cường hơn nữa các mối quan hệ đoàn kết và hợp tác sẵn có trong khu vực”. Tuyên bố Băng Cốc thể hiện ý chí của các nước thành viên hướng tới việc xây dựng một nền tảng vững chắc cho hành động chung nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam Á trên tinh thần bình đẳng và hợp tác để góp phần vào hoà bình tiến bộ và thịnh vượng ở khu vực”.

(Trần Nam Tiến (Chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000)*. Nxb Giáo dục, 2010, tr.262).

a. Tuyên bố Băng Cốc là tuyên ngôn thành lập của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

b. Tuyên bố Băng Cốc đã nêu rõ nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN.

c. Theo Tuyên bố Băng Cốc, các quốc gia Đông Nam Á mong muốn hợp tác cùng phát triển ở khu vực.

d. Theo Tuyên bố Băng Cốc, mục tiêu của tổ chức ASEAN là xây dựng một khu vực hoà bình, ổn định và thịnh vượng.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan đã quyết tâm tiến hành các cố gắng đầu tiên cần thiết để đảm bảo việc thừa nhận và tôn trọng đối với Đông Nam Á với tư cách là một khu vực hoà bình, tự do và trung lập, thoát khỏi bất kỳ hình thức hoặc phương cách can thiệp nào của các cường quốc bên ngoài. Các nước Đông Nam Á sẽ tiến hành các cố gắng phối hợp để mở rộng khu vực hợp tác vốn có thể đóng góp vào sức mạnh, sự đoàn kết và quan hệ chặt chẽ hơn của họ”.

(Trích Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN 1971))

a. Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập được tổ chức ASEAN thể hiện sự thống nhất của 5 nước sáng lập ASEAN.

b. Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của ASEAN.

c. Thông qua Tuyên bố ZOPFAN, các nước ASEAN muốn khẳng định mục tiêu trung lập.

d. Sau Tuyên bố ZOPFAN, các cường quốc bên ngoài không còn can thiệp vào khu vực Đông Nam Á. **Câu 3:** Cho bảng niên biểu về một số sự kiện tiêu biểu về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

Thời gian	Nội dung
Năm 1967	Tổ chức ASEAN được thành lập.
Năm 1976	Hiệp ước Bali đề ra những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN.
Năm 1984	Brunây gia nhập ASEAN.
1995-1999	Việt Nam, Lào, Mianma và Campuchia gia nhập ASEAN.
Năm 2007	Các nước thành viên ký Hiến chương ASEAN nhằm xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.

- Từ năm 1967 đến năm 1999 là quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.
- Quá trình mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra nhanh chóng, dồn dập.
- Hiệp ước Bali đánh dấu sự khởi sắc của ASEAN trong quá trình phát triển.
- Hiến chương ASEAN đánh dấu sự ra đời của Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

"Trong quan hệ của họ (các nước Đông Nam Á) với nhau, các bên tham gia Hiệp ước sẽ tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Cùng tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các Quốc gia.
- Quyền của mọi Quốc gia được tồn tại mà không có sự can thiệp, lật đổ hoặc áp lực của bên ngoài.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ
- Giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.
- Từ bỏ việc đe dọa hoặc sử dụng vũ lực.
- Hợp tác với nhau một cách có hiệu quả".

(Trích Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác năm 1976)

- Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác đã nêu rõ nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN.
- Nguyên tắc hoạt động của ASEAN là tiền đề cho nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
- Nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ là nguyên tắc quan trọng hàng đầu của tổ chức.
- Sau khi nguyên tắc được ban hành, khu vực Đông Nam Á đã chấm dứt các cuộc xung đột và nội chiến.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sau Chiến tranh lạnh, Đông Nam Á bước vào một thời kỳ phát triển mới. Một trong những nhân tố chủ đạo vẽ nên bức tranh toàn cảnh của Đông Nam Á thời kỳ này là tiến trình liên kết khu vực. Chỉ trong vòng chưa đầy

10 năm, các nước Đông Nam Á đã hoàn tất quá trình khu vực hoá, được bắt đầu từ giữa thập niên 60 của thế kỷ trước, đưa ASEAN trở thành một tổ chức toàn khu vực, "một trung tâm quyền lực mới" ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương với tính thích nghi cao, sự năng động và sức sống mạnh mẽ".

(Lương Ninh, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, 2007, tr.603)

- Quá trình kết nạp thành viên của tổ chức ASEAN diễn ra nhanh chóng.
- Quá trình khu vực hoá của ASEAN được đẩy mạnh sau Chiến tranh lạnh.
- ASEAN vươn lên mạnh mẽ, trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực.
- Sau Chiến tranh lạnh, ASEAN có sự phát triển năng động và có khả năng thích nghi cao.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Với tư cách là một thành viên của ASEAN, Việt Nam đã có thể giải quyết các vấn đề với các cường quốc trong vị thế cân bằng hơn khi tham gia vào các cuộc họp thường xuyên của ASEAN đối với các đối tác như

Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga và EU. Bên cạnh đó, trở thành thành viên của ASEAN sẽ hỗ trợ cho Việt Nam gia nhập vào WTO, một thể chế quốc tế quan trọng khác để hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu".

(Lê Minh Tiến, 25 năm hội nhập ASEAN-Một chặng đường gắn kết và chủ động thích ứng, Tạp chí Luật học, số 12/2020, tr.8)

- Đoạn tư liệu trên phản ánh rõ vai trò của Việt Nam đối với tổ chức ASEAN từ khi thành lập.
- Nhờ việc gia nhập ASEAN, Việt Nam đã đạt được thế cân bằng về sức mạnh với các cường quốc hàng đầu thế giới.
- Khi Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN, các nước Mỹ, Nhật Bản, Nga, EU lần lượt bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- Gia nhập ASEAN là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực có những chuyển biến quan trọng. Một số quốc gia Đông Nam Á sau khi giành độc lập dân tộc từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, đưa tới nhu cầu hợp tác khu vực. Điều này được thúc đẩy bởi sự phát triển của xu thế khu vực hóa trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX. Trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài, thúc đẩy hợp tác, tương trợ lẫn nhau, từ những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á.

- ASEAN ra đời trong bối cảnh xu thế khu vực hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới.
- ASEAN là Tổ chức liên kết kinh tế - văn hóa bao gồm tất cả các quốc gia khu vực châu Á.
- ASEAN ra đời khi tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều đã giành được độc lập.
- ASEAN là liên minh quân sự của các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

ASEAN ra đời nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng; Thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực thông qua tôn trọng luật pháp quốc tế.

- Mục đích ban đầu của Tổ chức ASEAN là hợp tác chính trị, tiền tệ giữa các nước thành viên.
- ASEAN ra đời với mục tiêu chính là hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các nước thành viên.
- ASEAN ra đời nhằm liên minh phòng thủ chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.
- ASEAN là Tổ chức liên kết kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các nước khu vực Đông Bắc Á.

Câu 9. Cho bảng dữ kiện về Quá trình phát triển của ASEAN

Năm	Quốc gia gia nhập ASEAN
1967	Thái Lan, Malaysia, Philipin, Indonesia, Singapo thành lập ASEAN
1984	Bruinei
1995	Việt Nam
1997	Lào và Mianma
1999	Campuchia

- ASEAN được sáng lập bởi tất cả các quốc gia khu vực Đông Nam Á
- Hành trình phát triển của Tổ chức ASEAN từ ASEAN 5 lên ASEAN 10 trải qua hơn 30 năm.
- Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN
- ASEAN do các quốc gia Đông Nam Á nằm trên bán đảo Đông Dương sáng lập.

Câu 10. Cho bảng dữ kiện về Quá trình phát triển của ASEAN

Năm	Sự kiện
1967	Thái Lan, Malaysia, Philipin, Indonesia, Singapo thành lập ASEAN
1976	Hiệp ước Bali được kí kết đánh dấu bước ngoặt của ASEAN
1999	Campuchia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN
2007	Hiến chương ASEAN được thông qua
2015	Thành lập Cộng đồng ASEAN nhằm đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các nước thành viên về kinh tế, văn hóa, xã hội

a) ASEAN hợp tác chặt chẽ và phát triển rõ rệt kể từ sau Hiệp ước Bali được kí kết (2/1976)

b) Một trong những lĩnh vực hợp tác của ASEAN là thương mại.

c) Năm 2015, Cộng đồng ASEAN ra đời biến ASEAN thành tổ chức siêu quốc gia.

d) 2007, khuôn khổ pháp lý và thể chế cho hợp tác giữa các nước ASEAN được thông qua. **PHẦN II. TỰ**

LUẬN

- Bài 6 (mục 1,3)
- Bài 5 (mục 3)